

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 01/11/2018

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Vũ Mỹ Lệ

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đoàn Hùng Tự

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hán Thị D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 9 xã P, TP H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 9 xã P, TP H, tỉnh Hà Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 20, phân trại số 4, trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (ngày 16/10/2018 ông Đỗ Văn Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018 và Bản tự khai ngày 20/8/2018 nguyên đơn bà Hán Thị D trình bày: Bà và ông Đỗ Văn Đ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 16 tháng 6 năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn bà cho rằng có nhiều lý do nên ông bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc với nhau được hai năm thì bà D phát hiện ông Đ nghiện

ma túy, bà đã khuyên can nhưng ông Đ không từ bỏ được. Tháng 6 năm 1997 ông Đ đã bị cơ quan Công an xử lý và bắt giam 02 năm tù. Khi ra tù ông Đ không thay đổi mà vẫn lao vào nghiện ngập, buôn bán ma túy đến ngày 26/10/2013 ông Đ lại tiếp tục bị bắt giữ và phải thụ án tù đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Thời gian vợ chồng chung sống ông bà có 02 con chung là Đỗ Đức G, sinh ngày 03/3/1992 và Đỗ Đức A, sinh ngày 21/02/1994. Các con ông bà nay đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản ông bà tự thỏa thuận nhất trí tài sản để lại cho các con không đề nghị Tòa án giải quyết; Ông bà không có công nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2018, bị đơn ông Đỗ Văn Đ trình bày: Về thời gian chung sống và thời gian, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bà D trình bày là đúng. Ông và bà D chung sống với nhau tự nguyện, khi đó cuộc sống rất khó khăn, vất vả nên ông bà không đi đăng ký kết hôn. Do thường xuyên đi làm ăn bên ngoài nên ông đã vướng vào nghiện ngập ma túy và phải đi tù, hiện ông đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nay bà D có đơn ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; các con ông đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản ông bà tự thỏa thuận và nhất trí sau này để lại cho các con, không đề nghị Tòa án giải quyết; Ông bà không có công nợ ai.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đỗ Văn Đ vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì lý do hiện nay ông đang chấp hành án phạt tù tại Đội 20, phân trại số 4, trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông, đề nghị những nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông bà chung sống không có đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;
- Về con cái: Các con đã trưởng thành không đề nghị giải quyết;
- Về tài sản: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;
- Về công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà Hán Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Đỗ Văn Đ, ông Đ có đăng ký tạm trú tại Tổ 9 xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang (hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Do đó Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt ông Đ do đang phải thi

hành án phạt tù, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó HĐXX giải quyết vắng mặt ông Đ là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Bà Hán Thị D và ông Đỗ Văn Đ đều xác định ông bà sống chung như vợ chồng từ năm 1991 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do đó có cơ sở xác định việc kết hôn giữa bà D và ông Đ không được đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng giữa bà D và ông Đ. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà D và ông Đ đều xác định có hai con chung tên Đỗ Đức G, sinh ngày 03/3/1992 và Đỗ Đức A, sinh ngày 21/02/1994. Nay các con ông bà đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà D và ông Đ thống nhất tự thỏa thuận tài sản để lại cho các con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà D và ông Đ đều khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, bà D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Hán Thị D và ông Đỗ Văn Đ là vợ chồng.
- Về án phí: Bà Hán Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số: 00926 ngày 20 tháng 8 năm 2018.

- Về quyền kháng cáo: Bà Hán Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đỗ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- CCTHADS TP;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mỹ Lệ**